

TT	Tổ/ Họ và tên	TĐCM	Ngành	Chức vụ/ Nhiệm vụ	Kiêm nhiệm	Lớp CN	Số	Phân công	Thực dạy	Kiêm nhiệm	TS tiết	Ghi chú		
												Thiếu	Thừa	Khác
	BAN GIÁM HIỆU													
1	Nguyễn Văn Khởi	ĐHSP	Toán	HT	BTCB			Phụ trách chung + 2 TNHN 9 ^{1,2} + Sinh hoạt tổ TN	2		2			
2	Lê Thị Ngọc Phượng	ĐHSP	Anh	P.HT				Phụ trách chuyên môn + 6 Anh 6 ^{1,2} + Sinh hoạt tổ XH	6		6		2	
	TỔ VĂN PHÒNG													
3	Nguyễn Thanh Trầm	ĐHKT	Kế toán	Kế toán	TTV. phòng			Kế toán						
4	Lê Thị Tuyết Trinh	TCYT	ĐD	YTHĐ TV TLHĐ	TQ			Y tế học đường + TQ + TV TLHĐ						
5	Nguyễn Thị Thùy Lam	TCVT	HCVT	Văn thư	BCHCĐ			Văn thư						
6	Lê Thanh Hòa			Bảo vệ				Bảo vệ						
7	Nguyễn Thị Phấn			Bảo vệ				Bảo vệ						
	TỔ TỰ NHIÊN													
8	Lê Trung Trực	ĐHSP	GDCD	TTC.môn	TTND	9 ²		2 GDCD 6 ^{1,2} + 2 GDCD 7 ^{1,2} + 2 GDCD 8 ^{1,2} + 2 GDCD 9 ^{1,2} + 40 GDĐP K6,7,8,9 CĐ GDCD/ năm học	9,1	2+3+4	18,1	0,9		BDHSG 8,9 PĐHSYK
9	Phùng Lê Trung Nhân	ĐHSP	CNTT	TPC.môn	Phụ trách phòng máy vi tính	7 ¹		2 Tin 6 ^{1,2,3} + 2 Tin 7 ^{1,2} + 2 Tin 8 ^{1,2} + 2 Tin 9 ^{1,2} + 1HĐTN SHL 7 + 1 HĐTN 6 ¹	9	3+4+1	18	1		BDHSG 8,9 PĐHSYK
10	Nguyễn Thị Hồng Châu	ĐHSP	Hóa					8 KHTN 7 ^{1,2} + 4 KHTN 8 ^{1,2} (LÝ-HÓA) + 4 KHTN 9 ^{1,2} (LÝ-HÓA) + 1HĐTN SHC 9	17		17	2		BDHSG 8,9 PĐHSYK
11	Nguyễn Thị Thúy Phượng	ĐHSP	Toán	TPC.môn		9 ¹		4 Toán 7 ² + 8 Toán 9 ^{1,2}	12	4 +1	17	2		BDHSG 9 PĐHSYK
12	Trần Hoàng Hải	ĐHSP	Toán					8 Toán 6 ^{1,2} + 8 Toán 8 ^{1,2} + 4 Toán 7 ¹	20		20		1	BDHSG 8 PĐHSYK
13	Lữ Phương Thúy	ĐHSP	CN			8 ²		2 CN 6 ^{1,2} + 2 CN 7 ^{1,2} + 4 CN 8 ^{1,2} + 2 CN 9 ^{1,2} + 60 GDĐP K6,7,8,9 CĐ CN/ năm học + 1 KNKD K6,7,8,9 + 1HĐTN SHL 8	13,7	4	17,7	1,3		PĐHSYK
14	Phan Thị Lợi	ĐHSP	Sinh					8 KHTN 6 ^{1,2} + 4 KHTN 8 ^{1,2} (SINH) + 4 KHTN 9 ^{1,2} (SINH) + 1HĐTN SHC 8	17		17	2		BDHSG 8,9 PĐHSYK
15	Trương Phước Bình	ĐHSP	TD					4 TD 6 ^{1,2} + 4 TD 7 ^{1,2} + 4 TD 8 ^{1,2} 4 TD 9 ^{1,2} + 1HĐTN SHL 9	17		17	2		BD năng khiếu
16	Nguyễn Văn Khởi	ĐHSP	Văn	Thiết bị				62 GDĐP K6,7,8, 9 CĐ VĂN/ năm học + 3P.CN + 3P.Lí + 3P.Hóa Sinh + 3P.NN + 3 Thiết bị + 1HĐTN SHL 6	2,8	15	17,8	1,2		
	TỔ XÃ HỘI													
17	Nguyễn Thùy Kim Dung	ĐHSP	Văn	TTC.môn				8 Ngữ văn 7 ^{1,2} + 4 Ngữ văn 8 ¹ + 4 Ngữ văn 9 ²	16	3	19			BDHSG 9

															PĐHSYK
18	Mai Văn Hùng	ĐHSP	Sử	TPC.môn	Phổ cập	6 ²	3 L.Sử 6 ^{1,2} + 14 GDĐP K6,7 CĐ LS/ năm học + 4 PC + 4 TTCĐ + 1HĐTN SHC 6 + 1 HĐTN 6 ²	5,4	12+1	18,4	0,6			Thu thập HS minh chứng kiểm định	
19	Lê Thị Quyên	ĐHSP	Văn			6 ¹	8 Ngữ văn 6 ^{1,2} + 4 Ngữ văn 9 ¹ + 4 Ngữ văn 8 ²	16	4	20		1		BDHSG 8 PĐHSYK	
20	GV hợp đồng	ĐHSP	Địa				3 Đ.Lý 6 ^{1,2} + 3 ĐL 7 ^{1,2} + 3 ĐL 8 ^{1,2} + 3 Địa 9 ^{1,2} + 32GDĐP K6,7, 8, 9 CĐ ĐL/ năm học	12,9		12,9	8,1			BDHSG 8,9 PĐHSYK	
21	Mai Tuấn Lâm	ĐHSP	Anh				6 Anh 9 ^{1,2} + 6 Anh 8 ^{1,2} + 6 Anh 7 ^{1,2}	18		18	1			BDHSG 8,9 PĐHSYK	
22	Lê Thị Thùy Trang	ĐHSP	Nhạc			7 ²	2 Nhạc 6 ^{1,2} + 2 Nhạc 7 ^{1,2} + 2 Nhạc 8 ^{1,2} + 2 Nhạc 9 ^{1,2} + 24 GDĐP K6,7,8, 9 CĐ NHAC/ năm học + 2 TNH 8 ^{1,2} + 2 HĐTN 7 ^{1,2} + 1HĐTN SHC 7	13,3	4	17,3	1,7			BD năng khiếu	
23	Trương Văn Bé Thanh	ĐHSP	MT	TPT			2 MT 6 ^{1,2} + 2 MT 7 ^{1,2} + 2 MT 8 ^{1,2} + 2 MT 9 ^{1,2} + 24 GDĐP K6,7,8, 9 CĐ MT/ năm học	8.7	9	17,7	1,3			BD năng khiếu	
24	Đặng Tuấn Đạt	ĐHSP	Sử		CTC.đoàn	8 ¹	3 L.Sử 7 ^{1,2} + 3 LS 8 ^{1,2} + 3 LS 9 ^{1,2} + 34 GDĐP K8,9 CĐ LS/ năm học	10	3+4	17	2			BDHSG 8,9 PĐHSYK Phụ trách LĐ	
25	Phạm Thị Diệu Hiền	TC	TTTTV	Thư viện			Thư viện								

- Tổng số CBGV/CNV: 24
- GV trực tiếp giảng dạy:
- Tổng số lớp: 8 (khối 6: 2 lớp, khối 7: 2 lớp, khối 8: 2 lớp, khối 9: 2 lớp)
- Tổng số HS: 277

Chợ Lách, ngày tháng năm 2025
PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Vĩnh Hòa, ngày tháng năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Khởi

Nguyễn Duy Khoa